



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.03461

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Cottonseed Meal (Bột hạt bông)  
**Số lượng/ khối lượng** : 5.283 bao/269.201 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Wujiaqu Taikun Plant Protein Co., Ltd. (China)

**Thuộc lô hàng nhập khẩu**

Hợp đồng số : ZH-HAID-VN-202507 ngày 16/7/2025  
Hóa đơn số : ZH-HAID20250721 ngày 21/7/2025  
Vận đơn số : EGLV141500646788  
Ngày sản xuất : 02/7/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 5804/HQ-GDK-TTKN ngày 30/7/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250038134)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH HẢI ĐẠI VĨNH LONG**  
Địa chỉ: Lô II-7, KCN Hoà Phú, ấp Phước Hoà, xã Phú Quới, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT; sửa đổi 1-2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2374 /QĐ-TTKN  
Ngày 03 tháng 9 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.03462

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : BỘT CÁ (FISH MEAL)  
**Số lượng/ khối lượng** : 40 bao/40.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Jeju Fish-Culture Fisheries Cooperatives, Korea  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : SCMLD-25503 ngày 04/6/2025  
Hóa đơn số : SCMLD-25503 ngày 04/7/2025  
Vận đơn số : HASLK02250700058  
Ngày sản xuất : 01/4/2025; 01/5/2025; 01/6/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 5598/HQ-GDK-TTKN ngày 24/7/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250037959)  
**Đơn vị được cấp** : CÔNG TY TNHH HẢI ĐẠI VINH LONG  
Địa chỉ: Lô II-7, KCN Hoà Phú, ấp Phước Hoà, xã Phú Quới, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT; sửa đổi 1-2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2374 /QĐ-TTKN

Ngày 03 tháng 9 năm 2025



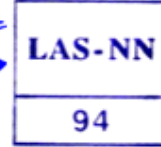
**Hà Thanh Tùng**





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 11961/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Hoàng Văn Sứy  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Hoàng Văn Sứy  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 336825081354  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 22/08/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 22/08/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                        | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit  | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------|--------------------|---------------------------------|
| Bột hạt bông<br>(Cottonseed Meal)<br>(BNNPTNT292500381<br>34) | Aflatoxin B1                           | µg/kg (LOQ=1) | <1,0               | TCVN 9126:2011                  |
|                                                               | Gossypol tự do                         | mg/kg         | 395,8              | TCVN 9125:2011                  |

*[Signature]*

Cần Thơ, ngày/date: 29/08/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*[Signature]*  
**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

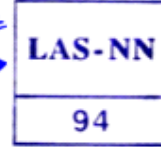
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

*[Signature]*



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 11960/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Hoàng Văn Sứy  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Hoàng Văn Sứy  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 336825081353  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 22/08/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 22/08/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>            | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|---------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| BỘT CÁ (FISH<br>MEAL)<br>(BNNPTNT292500379<br>59) | Asen (As) tổng số                      | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,30               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                   | Chì (Pb)                               | mg/kg (LOQ=0,6)     | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                   | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                                   | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                                   | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg (LOQ=0,1)     | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                                   | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                   | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 29/08/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.